

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NA RÌ  
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 5/2024/HS-ST

Ngày 30-01-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Sinh

2. Bà Lê Thị Khuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ma Văn Chung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2024; tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2024/HSST, ngày 05 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

**Hà Văn Q**, sinh ngày 09/11/1966; tại: Xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 08/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Xuân P và con bà Hoàng Thị N (Đều đã chết); bị cáo có vợ Hoàng Thị O và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

\* Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Địa chỉ: Tổ N, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc C, chức vụ; Chủ tịch (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Thu N1, chức vụ: Trưởng phòng - Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện N, (Có mặt).

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị O, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

Trú tại: Thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Anh Hà Đức V, sinh năm 1994 (Vắng mặt);

Trú tại: Tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Hà Văn H, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Trú tại: Thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:

- Anh Hà Đại C1, sinh năm 1990 (Có mặt);

Trú tại: Thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Chị Hà Thị T, sinh năm 1988 (Vắng mặt);  
Trú tại: Tổ C, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.
- Chị Hà Thị T1, sinh năm 1989 (Vắng mặt);  
Trú tại: Thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2023, bị cáo Hà Văn Q đã có hành vi sử dụng dao quắm chặt phát dây leo, bụi rậm, cây vầu và dùng máy cưa xăng cắt các cây gỗ có kích thước nhỏ, còn những cây gỗ to thì bị cáo không chặt hạ mà để lại, chỗ nào chỉ có cây vầu, cây bụi, dây leo thì phát trắng. Thửa đất rừng bị cáo thực hiện hành vi phát, phá là loại rừng tự nhiên sản xuất, số thửa 219, lô 53, khoảnh 4, tiểu khu B; có địa danh theo tiếng địa phương là Khuổi Dân, thuộc thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Thửa đất rừng này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 đứng tên hộ Hà Văn Q và bà Hoàng Thị O với diện tích là 20.418m<sup>2</sup>. Bị cáo Q một mình phát được khoảng 3 ngày thì có anh H1 Đại Chiến là cháu của bị cáo chặn trâu gần khu rừng đang phát nên bị cáo đã nhờ anh C1 hộ phát cùng bị cáo khoảng 02 buổi. Sau đó, bị cáo tiếp tục gọi điện cho anh C1 nhờ anh C1 đi phát rừng cùng mình thêm khoảng 02 đến 03 ngày nữa. Khi nhờ anh C1 hộ phát rừng thì bị cáo nói dối anh C1 là diện tích rừng bị cáo đang phát đã xin phép cơ quan có thẩm quyền để phát nên anh C1 đã đồng ý phát rừng hộ bị cáo. Dụng cụ anh C1 sử dụng để hộ bị cáo phát rừng là dao quắm của gia đình bị cáo mang theo và máy cưa xăng mượn của anh H (em ruột của bị cáo và là chú ruột của anh C1). Khi thấy đã đủ diện tích cần để trồng cây mỡ thì bị cáo và anh C1 không phát nữa. Mục đích bị cáo phát rừng là để trồng cây mỡ phát triển kinh tế gia đình. Việc phát phá rừng của bị cáo Q không được cơ quan có thẩm quyền cho phép mà bị cáo tự ý đi phát phá, việc bị cáo nói với anh C1 đã xin phép và được phát rừng là nhằm để anh C1 yên tâm và đồng ý giúp bị cáo phát rừng.

Sau khi phát rừng khoảng 15 ngày sau, thấy cây vầu và các cây gỗ cắt hạ lá cây đã khô nên bị cáo một mình đến khu rừng đã phát dùng lửa đốt, dọn thực bì. Được khoảng 3 ngày sau bị cáo tiếp tục lên dọn các cây chưa cháy hết vào thành từng đống để đốt tiếp, còn các cây gỗ to chưa bị cháy Q dùng máy cưa xăng cắt thành từng khúc. Khi bị cáo đang dọn các cây gỗ thì anh C1 có xin bị cáo một số cây gỗ về để làm củi đốt, bị cáo đã đồng ý, tuy nhiên anh C1 lấy củi lúc nào thì bị cáo không biết. Sau khi dọn, xử lý thực bì xong, bị cáo gọi điện thoại cho chị Hà Thị T, nhờ lấy cây mỡ giống về để trồng trên diện tích đã phát phá. Khoảng 3 ngày sau xe ô tô chở cây mỡ giống đến để dưới nhà anh C1, sau đó bị cáo nhờ anh C1 cùng bị cáo chở đến diện tích đã phát và đốt dọn xong để trồng. Việc trồng cây chủ yếu do bị cáo tự trồng là chính, ngoài ra có anh H1 Đại Chiến hộ trồng 01 buổi và có các con của bị cáo là chị Hà Thị T1, chị Hà Thị T cuối tuần về nhà bị cáo chơi cũng có hộ bị cáo trồng 01 buổi. Sau khi trồng cây xong được khoảng một tuần thì Hạt kiểm lâm huyện Na Rì mời bị cáo đến UBND xã Q làm việc liên quan đến hành vi phát phá rừng tại thửa đất số 219.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 02/8/2023 thể hiện: Diện tích rừng bị phát phá trái phép thuộc thửa đất số 219, lô 53, khoảnh 4, tiểu khu B, địa chỉ: thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Đối chiếu với bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã Q năm 2018 thửa đất rừng này thuộc quy hoạch rừng tự nhiên sản xuất, trạng thái rừng hỗn giao gỗ - vầu (HG1). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu năm 2009 cho hộ ông Hà Văn Q và bà Hoàng Thị O, diện tích là 20.418m<sup>2</sup>. Năm 2022 thửa đất này được đo đạc và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án CSSP tỉnh Bắc Kạn với số thửa là 313 tờ bản đồ số 2 có diện tích 21.951m<sup>2</sup>, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 116602 ngày 08/12/2022, cấp cho hộ Hà Văn Q và bà Hoàng Thị O.

Về hiện trường chung: Phía Đông Nam là đỉnh giáp với thửa đất số 61 và thửa đất số 58 của ông Lê Công H2; phía Đông Bắc tiếp giáp với thửa đất số 199 của ông Lê Thanh N2; phía Tây Nam tiếp giáp với thửa đất số 239 của ông Triệu Hồng Đ; phía T tiếp giáp với đất nông nghiệp của gia đình ông Hà Văn L.

Hiện trường cụ thể: Diện tích rừng bị phát phá là 12.859,92m<sup>2</sup>. Trên diện tích bị phát phá trái phép có 135 gốc cây tự nhiên loài thông thường có đường kính từ 12cm đến 70cm được cắt bởi vết cắt của máy cưa xăng, các gốc cây cắt sát mặt đất, phần thân cây đã cắt thành từng khúc, qua kiểm đếm phát hiện có 70 khúc gỗ tròn tự nhiên loài thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII có khối lượng 5,020m<sup>3</sup>; lập ô tiêu chuẩn xác định được số gốc cây vầu bị chặt hạ là 3.874 gốc (tuy nhiên các cây vầu đã bị đốt cháy nên không có cơ sở để xác định số lượng, kích thước số cây vầu bị thiệt hại); ngoài ra còn có 52 cây gỗ thông thường tự nhiên nhóm V đến nhóm VIII chưa bị chặt hạ có khối lượng 8,948m<sup>3</sup>, các cây gỗ này đã bị đốt cháy phần gốc cây, vỏ cây đã khô và bong tróc, lá rụng không còn khả năng sinh trưởng (bị đốt cháy, dẫn đến chết đứng khi bị cáo đốt dọn thực bì), xác định những cây gỗ này bị thiệt hại do hành vi phát phá rừng của bị cáo gây ra.

Ngày 07/8/2023, Hạt kiểm lâm huyện N ban hành yêu cầu định giá tài sản số 124 yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N định giá trị giá 70 khúc gỗ tròn có khối lượng 5,020m<sup>3</sup> và 52 cây gỗ có khối lượng 8,948m<sup>3</sup> tự nhiên loài thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII tại thời điểm bị xâm hại. Tại kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 14/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N đã kết luận: 5,020m<sup>3</sup> gỗ có trị giá 502.000 đồng và 8,948m<sup>3</sup> có trị giá 894.800 đồng.

Quá trình điều tra, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và đã tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì số tiền 1.650.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho Nhà nước và thực hiện nghĩa vụ án phí. Ngoài ra bị cáo có bố đẻ là ông Hà Xuân P được Hội đồng Chính Phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì và được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất do đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo có em trai là ông Hà Thanh O1 trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều Bằng khen của Bộ trưởng Bộ T2 và của Chủ tịch UBND tỉnh. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 máy cưa xăng nhãn hiệu Fujkawa KANTA 088 màu cam.
- 01 con dao bằng kim loại tổng chiều dài 64,5cm, trong đó phần dao bằng kim loại dài 31,5cm, lưỡi dao dài 22cm.
- 01 con dao quắm bằng kim loại có tổng chiều dài 53cm: Trong đó cán dao bằng gỗ dài 13cm, phần dao bằng kim loại dài 40cm.

(Số vật chứng này đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì).

- Đối với số vật chứng là 70 khúc gỗ có khối lượng 5,020m<sup>3</sup>; 52 cây gỗ có khối lượng 8,948m<sup>3</sup> và 135 gốc cây gỗ tự nhiên loài thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII không thể đưa về Cơ quan điều tra để bảo quản, quản lý nên đã để tại hiện trường và bàn giao cho UBND xã Q và Trạm kiểm lâm Q1 phối hợp quản lý, bảo quản theo quy định.

- Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân huyện N yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại theo Kết luận định giá tài sản trong vụ án với số tiền 1.396.800 đồng.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Hà Văn Q thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và ăn năn hối cải. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền 1.396.800 đồng. Bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của đại diện nguyên đơn dân sự số tiền này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng anh Hà Đại C1 trình bày: Anh C1 được giúp bị cáo Hà Văn Q (là chú ruột) phát rừng tại thửa rừng 219 thuộc quyền quản lý của bị cáo Q. Anh C1 được tham gia khám nghiệm hiện trường và khẳng định diện tích rừng anh C1 phát hộ bị cáo khoảng hơn một nghìn mét vuông như kết quả khám nghiệm hiện trường là đúng. Dụng cụ anh C1 sử dụng để phát rừng là dao quắm của gia đình bị cáo Q và máy cưa xăng mượn của ông H. Anh C1 không biết việc phát rừng của bị cáo Q là trái phép, vì trước khi anh C1 đồng ý phát rừng giúp bị cáo thì bị cáo nói với anh C1 việc phát rừng đã xin phép và được phép phát rừng để trồng cây mỡ.

- Trong đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị O trình bày: Việc chồng bà là bị cáo Q đi phát phá rừng tại thửa đất rừng số 219, lô 53, khoảnh 4 tiểu khu B Nhà nước cấp cho vợ chồng bà quản lý, sử dụng bà không biết, đến khi Cơ quan chức năng đến làm việc thì bà mới biết. Đối với 02 con dao mà bị cáo dùng để phát rừng trái phép bị Công an thu giữ là của gia đình bà nhưng không còn giá trị sử dụng nên bà không yêu cầu được lấy lại 02 con dao này.

- Trong đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Đức V trình bày: Thửa đất rừng số 219, lô E, khoảnh 4 tiểu khu B là của bố mẹ anh quản lý, sử dụng. Bố mẹ chỉ mới có ý định sẽ tặng 03 chị em nhưng chưa làm thủ tục tặng cho theo quy định. Việc bố của anh là bị cáo Q đi phát phá rừng anh không biết. Đến khi được cơ quan kiểm lâm mời làm việc anh mới biết.

- Trong đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đồng thời là người làm chứng chị Hà Thị T và chị Hà Thị T1 trình bày: Vào khoảng cuối tháng 5 hoặc đầu tháng 6 năm 2023 các chị có về nhà bố mẹ chơi thì có được đi hộ bố là bị cáo Hà Văn Q trồng cây mỡ 01 buổi tại thửa đất rừng số 219, lô 53, khoảnh 4 tiểu khu B Nhà nước cấp cho bố mẹ của các chị quản lý, sử dụng. Thửa đất rừng này bố mẹ có ý định sẽ tặng cho 03 chị em nhưng chưa làm thủ tục tặng cho theo quy định. Việc bố của các chị đi phát phá rừng các chị không biết. Đến khi được cơ quan kiểm lâm mời làm việc các chị mới biết.

- Trong đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn H trình bày: Đối với 01 máy cưa xăng nhãn hiệu Fujkawa KANTA 088 màu cam hiện nay đang bị thu giữ, ông có cho bị cáo Hà Văn Q mượn để đi cắt củi khô, còn việc bị cáo dùng chiếc máy cưa này đi phát phá rừng trái phép ông không biết. Nay ông yêu cầu Tòa án trả lại cho ông chiếc máy cưa xăng này.

Tại bản cáo trạng số 04/CT -VKSNR ngày 05/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn truy tố Hà Văn Q về tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Điều luật có nội dung:

1. *Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

.....;

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 đến 07 năm.*

.....;

đ) *Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông ( $m^2$ ), đến dưới 50.000 mét vuông ( $m^2$ )*

.....;

4) *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.*

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố bị cáo Hà Văn Q phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Hà Văn Q từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

Giao bị cáo Hà Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo và gia đình chỉ làm ruộng, hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Ghi nhận sự thoả thuận giữa bị cáo Hà Văn Q và đại diện nguyên đơn dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn số tiền 1.396.800 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại cho ông Hà Văn H 01 máy cưa xăng nhãn hiệu Fujikawa KANTA 088 màu cam.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao bằng kim loại tổng chiều dài 64,5cm, trong đó phần dao bằng kim loại dài 31,5cm, lưỡi dao dài 22cm và 01 con dao quắm bằng kim loại có tổng chiều dài 53cm, trong đó cán dao bằng gỗ dài 13cm, phần dao bằng kim loại dài 40cm.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 70 khúc gỗ có khối lượng 5,020m<sup>3</sup> và 52 cây gỗ có khối lượng 8,948m<sup>3</sup> gỗ tự nhiên loài thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII, để tại hiện trường. Giao cho Hạt kiểm lâm huyện N quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tịch thu tiêu hủy: 135 gốc cây gỗ tự nhiên loài thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII, để tại hiện trường. Giao cho Hạt kiểm lâm huyện N quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tạm giữ số tiền 1.650.000,đ bị cáo đã nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì để bảo đảm thi hành án nghĩa vụ bồi thường và án phí của bị cáo. Số tiền chênh lệch được trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội là do nhận thức còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, mục đích đi phát rừng là để trồng cây mỡ phát triển kinh tế gia đình nên đã thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã rất hối hận, ăn năn về việc làm của mình. Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo và xin được miễn hình phạt bổ sung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quyết định tố tụng được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập đúng trình tự thủ tục Bộ luật tố tụng Hình sự quy định và có giá trị pháp lý làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị O, ông Hà Văn H, anh Hà Đức V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng chị Hà Thị T, chị Hà Thị T1 vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 và Điều 293/BLTTHS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] *Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:*

Khoảng tháng 4 năm 2023 khi chưa được cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép, Hà Văn Q đã có hành vi phát phá rừng trái phép tại thửa đất số 219, lô 53, khoảnh 4, tiểu khu B (nay là thửa đất số 313, tờ bản đồ số 02, đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 116602 cấp ngày 08/12/2022 cho hộ gia đình Hà Văn Q và vợ Hoàng Thị O). Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã Q năm 2018 và bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q năm 2022 thì diện tích rừng bị phát phá trái phép thuộc rừng tự nhiên sản xuất, trạng thái rừng hỗn giao gỗ - tre nứa tự nhiên núi đất (HG1). Tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 12.859,92 m<sup>2</sup>, gây thiệt hại 13,968m<sup>3</sup> gỗ tự nhiên loài thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII có giá trị 1.396.800 đồng. Mục đích Q phát phá rừng là trồng cây mỡ phát triển kinh tế gia đình.

Hành vi phạm tội của bị cáo Hà Văn Q đã vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, gây thiệt hại về tài nguyên rừng và sự đa dạng của hệ sinh thái rừng, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hà Văn Q phạm tội “*Hủy hoại rừng*”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243/BLHS.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn đã căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự để truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:*

*Về nhân thân:* Bị cáo Hà Văn Q có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

*Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại được thể hiện ngày 27/12/2023 bị cáo đã nhờ chị Hà Thị Hồng L1 nộp hộ bị cáo số tiền 1.450.000 đồng và ngày 30/01/2024 bị cáo đã nhờ anh Hà Đức V nộp hộ bị cáo số tiền 200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì theo các Biên lai thu tiền số 0002304; 0002305 và 0002307. Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là ông Hà Xuân P được Hội đồng Chính Phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huy chương

kháng chiến hạng nhì và được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất do đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo có em trai là ông Hà Thanh O1 trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều Bằng khen của Bộ trưởng Bộ T2 và của Chủ tịch UBND tỉnh B. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51/BLHS.

*[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo:*

Bị cáo Hà Văn Q chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nên HĐXX thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có đủ điều kiện áp dụng Điều 65/BLHS cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nghề nghiệp chính của bị cáo làm ruộng nên thu nhập thấp. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Do đó, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với các quy định của pháp luật, thể hiện sự khoan hồng, tính nhân văn của pháp luật.

*[6] Về trách nhiệm dân sự:* Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường theo kết luận định giá là 1.396.800đ (Một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng) và bị cáo nhất trí bồi thường số tiền theo yêu cầu của đại diện nguyên đơn dân sự. Do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện nguyên đơn dân sự. Buộc bị cáo Hà Văn Q phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn với số tiền 1.396.800 đồng.

*[7] Về xử lý vật chứng:*

- Đối với vật chứng là công cụ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo đang bị thu giữ không còn giá trị sử dụng gồm 01 con dao bằng kim loại đã qua sử dụng tổng chiều dài 64,5cm, trong đó phần dao bằng kim loại dài 31,5cm, lưỡi dao dài 22cm, đầu dao cong dạng lưỡi liềm bị gãy phần ngọn, chuôi dao dài 9,5cm hình tròn có tra cán gỗ dài 33cm, quần dây cao su màu đen và 01 con dao quắm bằng kim loại đã qua sử dụng có tổng chiều dài 53cm, trong đó cán dao bằng gỗ dài 13cm, phần dao bằng kim loại dài 40cm, dao một lưỡi sắc, một đầu dao cong dạng lưỡi liềm, bản dao rộng nhất 3,4cm, quần dây cao su màu đen, ký hiệu Q1 của bị cáo và bà Hoàng Thị O là vợ của bị cáo, bà O không yêu cầu được trả lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với vật chứng là công cụ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo là 01 máy cưa xăng nhãn hiệu Fujikawa KANTA 088 màu cam, chiếc máy cưa xăng này bị cáo mượn ông H đi cắt củi, còn việc bị cáo dùng vào việc phát phá rừng trái phép ông H không biết nên cần trả lại cho ông H là đúng quy định của pháp luật.



(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/01/2024 giữa Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn).

- Đối với số vật chứng gồm 70 khúc gỗ có khối lượng 5,020m<sup>3</sup> và 52 cây gỗ có khối lượng 8,948m<sup>3</sup> gỗ tự nhiên loài thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII, để tại hiện trường cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước. Giao cho Hạt kiểm lâm huyện N quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với 135 gốc cây gỗ tự nhiên loài thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII, để tại hiện trường, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy. Giao cho Hạt kiểm lâm huyện N quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 1.650.000 đồng bị cáo nhờ chị Hà Thị Hồng L1 và anh Hà Đức V nộp hộ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì để thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, án phí hình sự cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. Số tiền chênh lệch còn lại sau khi thi hành hết các khoản phải thi hành án, trả lại cho bị cáo.

[8] Về các vấn đề khác:

- Đối với bà Hoàng Thị O là vợ của bị cáo Hà Văn Q là người cùng có quyền sử dụng đối với thửa đất số 219, lô 53, khoảnh 4, tiểu khu B (nay là thửa đất số 313, tờ bản đồ số 02), việc phát phá rừng trái phép của bị cáo bà O không biết. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý đối với bà O là đúng quy định.

- Đối với anh Hà Đại C1 là người được bị cáo Hà Văn Q nhờ cùng với bị cáo phát phá rừng. Tuy nhiên trước khi nhờ anh C1 bị cáo Q nói với anh C1 là đã xin phép cơ chức năng và được phép phát rừng để trồng cây mỡ nên anh C1 mới đồng ý giúp bị cáo phát rừng. Không đủ căn cứ để kết luận anh C1 đồng phạm với bị cáo Q về hành vi Hủy hoại rừng. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh C1 là đúng quy định.

- Đối với số cây vầu (theo kết quả khám nghiệm hiện trường trên diện tích rừng bị phát phá có 3.874 gốc cây vầu bị chặt), nhưng số thân cây vầu đã bị đốt cháy hoàn toàn, không có cơ sở để kiểm đếm số lượng, kích thước cây vầu nên không đủ cơ sở để xác định chính xác số cây vầu bị thiệt hại và cũng không có cơ sở để xác định giá trị cây vầu bị thiệt hại. Nên không có căn cứ để buộc bị cáo bồi thường dân sự đối với số lâm sản là cây vầu.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.  
Căn cứ Điều 106 và Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;  
Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí.

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Hà Văn Q phạm tội "*Hủy hoại rừng*".

- Xử phạt bị cáo Hà Văn Q 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/01/2024).

- Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho UBND xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn quản lý, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

*"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

*Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước tổng hợp với hình phạt của bản án mới.*

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự".*

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Ghi nhận sự thoả thuận giữa bị cáo Hà Văn Q và đại diện nguyên đơn dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn số tiền 1.396.800đ (Một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

**3. Về vật chứng của vụ án:**

- Trả lại cho ông Hà Văn H 01 máy cưa xăng nhãn hiệu Fujikawa KANTA 088 màu cam.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 con dao bằng kim loại tổng chiều dài 64,5cm, trong đó phần dao bằng kim loại dài 31,5cm, lưỡi dao dài 22cm, đầu dao cong dạng lưỡi liềm bị gãy phần ngọn, chuôi dao dài 9,5cm hình tròn có tra cán gỗ dài 33cm, quấn dây cao su màu đen;

+ 01 con dao quắm bằng kim loại có tổng chiều dài 53cm, trong đó cán dao bằng gỗ dài 13cm, phần dao bằng kim loại dài 40cm, dao một lưỡi sắc, một đầu dao cong dạng lưỡi liềm, bản dao rộng nhất 3,4cm, quấn dây cao su màu đen.

*(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/01/2024 giữa Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn).*

- Tịch thu tiêu hủy 135 gốc cây gỗ tự nhiên loài thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII, để tại hiện trường. Giao cho Hạt kiểm lâm huyện N quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 70 khúc gỗ có khối lượng 5,020m<sup>3</sup> và 52 cây gỗ có khối lượng 8,948m<sup>3</sup> gỗ tự nhiên loài thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII, để tại hiện trường. Giao cho Hạt kiểm lâm huyện N quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tạm giữ số tiền 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) bị cáo đã nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn để bảo đảm thi hành án nghĩa vụ bồi thường và án phí cho bị cáo. Số tiền chênh lệch sau khi bị cáo thực hiện hết các nghĩa vụ phải thi hành án được trả lại cho bị cáo.

**4. Về án phí:** Bị cáo Hà Văn Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến vấn đề dân sự, Anh Hà Đ có quyền kháng cáo bản án phần liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị O; ông Hà Văn H, anh Hà Đức V, chị Hà Thị T và chị Hà Thị T1 có quyền kháng cáo bản án phần liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Na Rì;
- Công an huyện Na Rì;
- Chi cục THAD huyện Na Rì;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người CQ&NVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Võ Thanh Bình**